

Số: /KH-UBND

Sơn Dương, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 96-KH/ĐU ngày 22/6/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy; Kế hoạch số 303/KH-UBND tỉnh ngày 04/8/2026 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư, Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ và Kế hoạch số 136-KH/TU ngày 26/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 trên địa bàn xã Sơn Dương

Căn cứ Kế hoạch số 96-KH/ĐU ngày 22/6/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy về triển khai thực hiện Kế hoạch số 136-KH/TU ngày 26/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư (*khóa XIII*) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 (*sau đây viết tắt là Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021*); Kế hoạch số 303/KH-UBND ngày 04/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư, Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ và Kế hoạch số 136-KH/TU ngày 26/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*sau đây viết tắt là Kế hoạch số 303/KH-UBND*);

Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương ban hành kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và xã hội nhằm chăm lo tốt hơn nữa đời sống vật chất, tinh thần cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội, tạo điều kiện để người dân phát triển sản xuất, tiếp cận việc làm, tín dụng ưu đãi và các dịch vụ xã hội cơ bản; phát huy vai trò chủ thể, khơi dậy ý chí tự lực vươn lên của người nghèo, góp phần nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo và bảo đảm an sinh xã hội; xác định giảm nghèo là nhiệm vụ thường xuyên, góp phần quan trọng trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, tạo động lực cho phát triển bền vững.

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 160/NQ-CP của Chính phủ, Kế hoạch số 303/KH-UBND của UBND tỉnh và Kế hoạch số 96-KH/ĐU ngày 22/6/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã

nhằm xác định nhiệm vụ trọng tâm, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả, đạt mục tiêu về giảm nghèo bền vững đến năm 2030.

2. Yêu cầu

- Chính quyền, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị phải sâu sát, chủ động sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đối với công tác giảm nghèo bền vững và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn xã; huy động sự tham gia tích cực của toàn xã hội trong thực hiện các vấn đề an sinh xã hội trên địa bàn xã.

- Bảo đảm người dân, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng yếu thế được tiếp cận đầy đủ, kịp thời các chính sách và dịch vụ an sinh xã hội cơ bản; phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, nâng cao ý thức tự lực, chủ động vươn lên thoát nghèo của người dân.

- Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp giảm nghèo và an sinh xã hội; lồng ghép các chương trình, chính sách có liên quan, gắn công tác giảm nghèo với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy các hoạt động xã hội để người dân, cộng đồng tham gia cùng Nhà nước thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội, hạn chế tái nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập cho người dân; hỗ trợ người nghèo đảm bảo mức sống tối thiểu, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội bền vững, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2026- 2030.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững theo cách tiếp cận đa chiều, duy trì giảm tỷ lệ nghèo đa chiều dưới 2%/năm; hạn chế thấp nhất tình trạng tái nghèo và phát sinh nghèo.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững, tạo sự thống nhất nhận thức trong toàn hệ thống chính trị, xác định mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo trong nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn.

Nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị với kết quả giảm nghèo trên địa bàn, lĩnh vực phụ trách; lấy kết quả giảm nghèo là tiêu chí để đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể,

cá nhân hằng năm, phân công trách nhiệm cho từng tổ chức, cá nhân phụ trách công tác giảm nghèo từ xã đến các thôn.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành, theo dõi công tác giảm nghèo gắn với chuyển đổi tư duy từ “hỗ trợ người nghèo” sang “trao cơ hội thoát nghèo bền vững”, chú trọng tăng tính minh bạch và sự tham gia của người dân trong phát huy vai trò giám sát xã hội.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục

Đẩy mạnh công tác phổ biến, thường xuyên thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo đến cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân, qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sự đồng tâm, hiệp lực của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội trong triển khai thực hiện công tác giảm nghèo, giúp hộ nghèo thoát nghèo bền vững; khơi dậy ý chí vươn lên thoát nghèo của hộ nghèo, không trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, giúp đỡ của cộng đồng. Phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần “tương thân, tương ái” của dân tộc, tạo sự đồng thuận và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sự tham gia của toàn xã hội trong công tác giảm nghèo bền vững. Tổ chức thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo về thông tin, tạo điều kiện cho hộ nghèo có phương tiện tiếp cận thông tin, sử dụng dịch vụ viễn thông.

Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền theo hướng dễ hiểu, nội dung tuyên truyền cần làm rõ trách nhiệm của người nghèo đối với công tác giảm nghèo, trong đó hộ nghèo, hộ cận nghèo vừa là chủ thể, vừa là đối tượng được hưởng lợi từ các chính sách giảm nghèo, do đó cần sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, chủ động tìm biện pháp tăng thu nhập, thoát nghèo cùng với sự hỗ trợ, hướng dẫn của chính quyền, đoàn thể và cộng đồng. Nâng cao nhận thức của người nghèo để thấy rõ chính sách của Nhà nước, giúp đỡ của cộng đồng chỉ là hỗ trợ, sự nỗ lực, tự vươn lên của bản thân hộ nghèo là chính.

Tăng cường tuyên truyền, nhân rộng và lan tỏa các gương điển hình về giảm nghèo, làm giàu chính đáng, các mô hình thoát nghèo bền vững, sản xuất giỏi, khởi nghiệp thành công tại địa phương. Đẩy mạnh giáo dục ý thức tự lực, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại; lồng ghép với các phong trào thi đua yêu nước. Phát huy hiệu quả các kênh truyền thông cơ sở: Loa truyền thanh, nền tảng số, mạng xã hội chính thống của địa phương. Tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng sản xuất, quản lý tài chính hộ gia đình, kỹ năng tìm kiếm việc làm cho hộ nghèo.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan truyền thông trong việc tuyên truyền, vận động thay đổi nhận thức của hộ nghèo, động viên, hướng dẫn người nghèo có kiến thức trong lao động sản xuất, khơi dậy tinh thần tự lực, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ, hỗ trợ của Nhà nước và xã hội. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phong trào thi đua *“Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”*; khuyến khích hộ nghèo vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống

ấm no”, phân đầu “Vì một Việt Nam không còn đói nghèo”; tổ chức thực hiện tốt Cuộc vận động ủng hộ “Quỹ vì người nghèo”. Kịp thời đề xuất biểu dương, khen thưởng các hộ nghèo nỗ lực vươn lên thoát nghèo.

3. Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện chính sách giảm nghèo và tổ chức thực hiện gắn với mục tiêu phát triển bền vững

3.1. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp giảm nghèo theo từng nguyên nhân dẫn đến nghèo, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, kết hợp lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo thực hiện giảm nghèo gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo đảm bảo đúng đối tượng

- Hỗ trợ tín dụng ưu đãi: Tích cực thực hiện các giải pháp huy động, duy trì và điều hành có hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác. Gắn kết chặt chẽ giữa cho vay tín dụng ưu đãi với hướng dẫn áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi, nâng cao kỹ năng tay nghề, quản trị vốn vay. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, cán bộ khuyến nông trong hướng dẫn hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo lập phương án và tổ chức thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh khi được vay vốn; trong đó chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân vay vốn với mức vay ưu đãi tối đa để phát triển sản xuất.

Gắn kết chặt chẽ giữa cho vay tín dụng ưu đãi với hướng dẫn áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi, nâng cao kỹ năng tay nghề, quản trị vốn vay.

Phát huy vai trò của các tổ chức nhận ủy thác trong hướng dẫn hộ nghèo, cận nghèo lập phương án và tổ chức thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh khi vay vốn; trong đó chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn Nhân dân vay vốn với mức vay tối đa để phát triển sản xuất. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay đảm bảo việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả. Thực hiện có hiệu quả các chính sách của trung ương, của tỉnh về cho vay hỗ trợ sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo quy định.

- Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và chuyển giao khoa học kỹ thuật, kiến thức về tổ chức sản xuất, tổ chức cuộc sống:

+ Triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Đề án, Kế hoạch thực hiện về nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2026-2030; thường xuyên hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật canh tác và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, phát triển các mô hình giảm nghèo cho người dân như hỗ trợ tặng con giống sinh kế (tặng gà giống, công cụ sản xuất,...), đảm bảo an sinh xã hội; hướng dẫn người dân, đặc biệt là hộ nghèo, cận nghèo bảo quản sản phẩm nông nghiệp, cập nhật các thông tin về thị trường và giá cả các mặt hàng nông sản để có định hướng đầu tư sản xuất, tiếp cận thị trường, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, kinh doanh để nâng

cao năng suất lao động và thu nhập. Giúp đỡ, hướng dẫn hộ nghèo cách thức tổ chức sản xuất, chi tiêu trong gia đình, đảm bảo cân đối hợp lý giữa ổn định đời sống với tái đầu tư trong sản xuất, kinh doanh để nâng cao thu nhập.

+ Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách về khuyến công; khuyến khích và hỗ trợ để thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp ở các vùng nông thôn. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Triển khai các mô hình, phong trào khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, phát triển ngành nghề truyền thống, các mô hình sản xuất tiêu, thủ công nghiệp ở nông thôn (tham gia các xưởng may bao bì tại nhà...), chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, tham gia sản xuất tại các làng nghề, tổ hợp tác sản xuất chè khô, chuối sấy, các Hợp tác xã sản xuất nông, lâm nghiệp, các xưởng cơ khí nhỏ ở nông thôn để hộ nghèo có cơ hội tham gia, học tập kinh nghiệm; hỗ trợ cá nhân, cơ sở kinh doanh dịch vụ phân phối hàng hóa, cung ứng đầu vào và đầu ra cho sản phẩm làng nghề nhằm tạo việc làm cho người nghèo.

- Đào tạo nghề, giải quyết việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

+ Chú trọng thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với thị trường lao động; tạo chuyển biến về số lượng, cơ cấu, chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, các chương trình, dự án của tỉnh và thị trường lao động trong nước và nước ngoài. Tăng cường đào tạo nghề lao động nông thôn, đào tạo thường xuyên và đào tạo lại cho người lao động, nhất là đào tạo các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm, tính kỷ luật, tác phong công nghiệp. Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, phân luồng, liên thông đào tạo nhằm phát triển quy mô đào tạo gắn với thực hiện các giải pháp đột phá, phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp; chú trọng nâng cao chất lượng đầu ra; tăng cường việc hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của xã trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, nền kinh tế số và hội nhập quốc tế. Huy động nguồn lực để hỗ trợ đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trong điều kiện hiện nay và khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào các khâu của quá trình đào tạo.

+ Triển khai thực hiện Chương trình phát triển thị trường lao động đến năm 2030, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, kết nối với thị trường toàn quốc; đẩy mạnh cung ứng dịch vụ công về lao động, kết nối việc làm trên nền tảng số. Nâng cao chất lượng tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức các phiên giao dịch, sàn giao dịch việc làm, thực hiện tư vấn, giới thiệu việc làm, học nghề, trong đó quan tâm đến các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Tăng cường các hoạt động tư vấn, tuyên truyền về các chính sách hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và thông tin về thị trường lao động cho người dân, đặc biệt là các hộ gia đình thiếu

đất sản xuất, lao động phải chuyển đổi ngành nghề, lao động thuộc diện di dân tái định cư, nhằm tạo cơ hội cho người lao động có cơ hội tìm việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần hạn chế phát sinh hộ nghèo, cận nghèo.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án giải quyết việc làm; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của học sinh, sinh viên trong thời gian học tập tại các cơ sở đào tạo, tạo môi trường thuận lợi để hỗ trợ học sinh, sinh viên hình thành và hiện thực hóa các ý tưởng, dự án khởi nghiệp, góp phần tạo việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp; hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp; thực hiện các giải pháp hỗ trợ chuyển dịch việc làm khu vực nông thôn theo hướng phi nông nghiệp.

+ Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn xã. Lựa chọn, khuyến khích các doanh nghiệp có thị trường xuất khẩu lao động có tiềm năng, cho thu nhập cao tham gia tuyển dụng và đưa lao động của tỉnh đi làm việc tại nước ngoài. Làm tốt công tác đào tạo nguồn lao động, gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đưa đi làm việc ở nước ngoài; có giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn lao động sau khi làm việc ở nước ngoài về nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tăng cường quản lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Quan tâm bố trí kinh phí, đồng thời tập trung chỉ đạo thực hiện triệt để, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ ban đầu, chính sách hỗ trợ cho vay vốn với lãi suất ưu đãi cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo các quy định hiện hành.

+ Tăng cường thực hiện các giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, đặc biệt là bảo hiểm xã hội tự nguyện. Duy trì thực hiện tốt chính sách bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn và thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm cho lao động bị mất việc làm để hạn chế phát sinh hộ nghèo, cận nghèo do bị mất việc làm.

- Hỗ trợ đất sản xuất: Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đất sản xuất theo Chương trình mục tiêu quốc gia. Tăng cường đào tạo nghề và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho hộ nghèo ở những nơi thiếu đất sản xuất. Duy trì thực hiện tốt các biện pháp ổn định đời sống và phát triển sản xuất, đặc biệt là đất sản xuất, nước phục vụ sản xuất cho các hộ dân phải di chuyển, tái định cư phục vụ xây dựng các công trình hạ tầng, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

3.2. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ người nghèo, người cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, ổn định sinh kế, phát triển sản xuất, tạo việc làm để tăng thu nhập, thoát nghèo bền vững

- Về giáo dục - đào tạo: Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng trường chuẩn quốc gia cho các trường ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông bán trú, tạo điều kiện thuận lợi cho con em đến trường; giảm tối đa tỷ lệ trẻ em không được đến trường do hoàn cảnh khó khăn. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách cho học sinh

thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo; học sinh dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, vận động các nguồn lực xã hội để hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi cải thiện tình trạng sức khỏe, dinh dưỡng, được tham gia hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí tại cộng đồng. Chú trọng triển khai công tác giáo dục, đào tạo gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nhất là các nội dung liên quan đến phát triển kinh tế số, thương mại điện tử, kinh doanh trên các nền tảng các mạng xã hội...

- Về y tế: Quan tâm tăng cường đầu tư cho Trạm Y tế xã đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, Trạm Y tế xã có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh ban đầu; tăng cường chuyển giao kỹ thuật từ bệnh viện tuyến tỉnh về tuyến xã, cùng với củng cố, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, năng lực cán bộ y tế cấp xã, thôn, để người dân tiếp cận với các dịch vụ y tế thuận lợi, có chất lượng ngay tại nơi cư trú. Thực hiện kịp thời, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ y tế, khám chữa bệnh cho người thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo quy định. Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số, gắn với việc vận động thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số. Tích cực triển khai các giải pháp phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em trên địa bàn xã. Quan tâm nâng cao chất lượng công tác y tế dự phòng; kịp thời, chủ động ngăn chặn có hiệu quả, triệt để các loại dịch bệnh ở người. Tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, gắn nhiệm vụ vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế vào nhiệm vụ trọng tâm của các cấp chính quyền từ xã đến thôn. Phấn đấu đạt mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân.

- Về nhà ở: Huy động nguồn lực thực hiện xóa nhà ở tạm, dột nát cho hộ nghèo trên địa bàn xã. Ưu tiên giải quyết trước đối tượng hộ nghèo có chủ hộ là người cao tuổi, người khuyết tật trong lộ trình xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp, đặc biệt các nguồn lực xã hội hoá để tập trung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ hỗ trợ xóa nhà ở tạm, dột nát trên địa bàn xã giai đoạn 2026-2030. Triển khai hỗ trợ kịp thời các hộ gia đình bị thiệt hại về nhà ở do thiên tai, hỏa hoạn. Chú trọng thực hiện hỗ trợ di dời nhà ở của người dân ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét, khu vực rừng phòng hộ.

- Về nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường: Tiếp tục huy động nguồn lực thực hiện các dự án, chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới, trong đó quan tâm thực hiện các chính sách hỗ trợ về nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và người nghèo ở vùng khó khăn; quan tâm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn xã đã được đầu tư xây dựng. Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về bảo vệ nguồn nước, khai thác sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn. Tích cực truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh môi trường, đặc biệt là vệ sinh môi trường nông thôn, hỗ trợ và vận động nhân dân xây dựng

03 công trình vệ sinh ở nông thôn (*nhà tắm, nhà tiêu, xử lý chất thải chăn nuôi*) gắn với thực hiện tiêu chí nông thôn mới.

- Nâng cao chất lượng công tác văn hóa, thông tin: Xây dựng và củng cố hệ thống thông tin - truyền thông cơ sở bao gồm hỗ trợ thông tin, đội ngũ cán bộ thông tin cơ sở và nội dung thông tin tuyên truyền nhằm đảm bảo thông tin về các chính sách của Đảng và Nhà nước, thông tin phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội, khoa học kỹ thuật được đưa đến phục vụ người dân, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ thông tin, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, tạo sự đồng thuận trong dư luận xã hội; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của người dân; bảo đảm dân chủ ở cơ sở; tích cực vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, loại bỏ các hủ tục lạc hậu, gây lãng phí; ngăn chặn, đẩy lùi những thông tin sai trái, phản động của các thế lực thù địch, góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động truyền thanh xã, thôn, hạ tầng về viễn thông ở vùng nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân được tiếp cận thông tin qua hệ thống internet, nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng điện thoại, được tiếp cận thông tin và xem truyền hình thường xuyên.

- Trợ giúp pháp lý: Thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số và các đối tượng yếu thế theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo tiếp cận được với các chính sách trợ giúp pháp lý có hiệu quả. Khuyến khích các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp tham gia các hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo, góp phần nâng cao kiến thức hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật cho người dân, từ đó có những hành vi ứng xử đúng pháp luật, hạn chế rủi ro trong cuộc sống, sản xuất, kinh doanh do thiếu hiểu biết về pháp luật, đồng thời giúp người nghèo, đối tượng yếu thế trong xã hội tiếp cận các dịch vụ pháp lý và được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trước pháp luật.

3.3. Các chính sách trợ giúp khác

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách có tính chất tác động đến đối tượng trung tâm là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo nhằm tạo sinh kế, việc làm ổn định và nâng cao thu nhập, khuyến khích người nghèo, hộ nghèo tự lực vươn lên thoát nghèo một cách hiệu quả, bền vững. Nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ và nâng cao vai trò của hợp tác xã, tổ hợp tác trong thực hiện liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục thực hiện các giải pháp đa dạng hóa các hình thức tạo sinh kế cho người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo được tiếp cận các chính sách, nguồn lực, khoa học - kỹ thuật, thị trường, khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, nhất là hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh phù hợp với người nghèo gắn với thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030.

Cung cấp, đáp ứng nhu cầu về vốn lãi suất ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống. Hỗ trợ kinh phí theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hàng năm.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch xã, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương, ưu tiên quỹ đất có lợi thế kinh doanh, dịch vụ phục vụ việc quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm nghề, làng nghề, các sản phẩm dịch vụ...; quy hoạch, bố trí quỹ đất ở cho người dân nông thôn đảm bảo đồng bộ, phù hợp phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thu hút đầu tư dự án sản xuất nông nghiệp gắn với *Điểm du lịch sinh thái Thác Đồng Đài*, trải nghiệm, du lịch cộng đồng Homestay, kinh doanh, dịch vụ thương mại tại “*Điểm du lịch văn hóa trải nghiệm cộng đồng Làng Trầm*”.

Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, giữa hợp tác xã với doanh nghiệp, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã Nông - lâm nghiệp - thủy sản hàng hóa đặc sản (*chè, dưa, chanh Tứ Thị, ớt, dưa chuột, Cây Vòi, Cá Tầm...*); phát triển kinh tế rừng bền vững (*giao khoán rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng*); du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái; hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình: Hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết chuỗi giá trị; Mô hình “mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) gắn với giảm nghèo; tăng khả năng tiếp cận: Vốn tín dụng ưu đãi; khoa học - kỹ thuật; thị trường tiêu thụ (*thương mại điện tử, sàn số*); đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường; ưu tiên nghề phi nông nghiệp và xuất khẩu lao động.

4. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo

Lồng ghép và sử dụng hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030. Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, tăng cường tính kết nối, phục vụ cho sản xuất và dân sinh, nhất là đối với các công trình hạ tầng thiết yếu: Giao thông liên thôn, liên xã; điện, nước sinh hoạt; hạ tầng số (*internet, viễn thông*)... để tăng cường liên kết, kết nối hệ thống giao thông nông thôn với các khu vực trung tâm, vùng động lực phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đi lại, sinh hoạt, phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, tiếp cận công nghệ thông tin, đẩy mạnh giao thương hàng hóa và dịch vụ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, góp phần giảm nghèo. Tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư xây mới, nâng cấp và quản lý, khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi, đảm bảo đủ nước tưới cho diện tích trồng lúa, trồng màu và diện tích cây trồng cận chủ lực tại các vùng sản xuất chuyên canh, vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Thực hiện tốt công tác duy tu và bảo dưỡng các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh; nghiên cứu xây dựng cơ chế huy động thêm kinh phí duy tu và bảo dưỡng do cộng đồng tự đóng góp và giao cho cộng đồng chịu trách nhiệm duy tu và bảo dưỡng một số công trình có quy mô nhỏ ở khu vực nông thôn, để tăng tính sở hữu, trách nhiệm với bảo vệ và sử dụng công trình.

Tăng cường huy động các nguồn lực thông qua các nhà tài trợ, các phong trào, cuộc vận động ủng hộ “Quỹ vì người nghèo” phục vụ công tác giảm nghèo. Tập trung phát triển sản xuất, giáo dục nghề nghiệp cho người nghèo; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới và các xã đặc biệt khó khăn; quan tâm hỗ trợ đất sản xuất, tạo việc làm, hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và dịch vụ xã hội khác, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, chế biến, du lịch. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn, bảo đảm đúng mục tiêu, hiệu quả, tránh dàn trải.

Tích cực cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm thúc đẩy xuất khẩu, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, viện trợ phi chính phủ, viện trợ không hoàn lại và các nguồn lực khác để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm tạo việc làm cho người dân, góp phần giảm nghèo bền vững.

5. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo

Củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia từ xã đến thôn, nhất là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo, đảm bảo thực hiện tốt công tác tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền trong công tác lập kế hoạch, điều hành tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác giảm nghèo, có đủ năng lực tham mưu, triển khai thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo.

Thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo tại địa phương đặc biệt là các lĩnh vực liên quan đến tạo sinh kế, phát triển sản xuất, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, cận nghèo; việc xây dựng kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo phải cụ thể, theo nguyên nhân dẫn đến nghèo, gắn với thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo phù hợp với địa phương, ngành, đơn vị mình. Thực hiện việc lập kế hoạch, giao chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo cho các thôn đảm bảo phù hợp với thực trạng, điều kiện của từng thôn và có sự thống nhất của cấp xã, không thực hiện việc giao, chỉ tiêu áp đặt, chạy theo thành tích.

Việc xây dựng kế hoạch, bố trí và sử dụng nguồn lực cho công tác giảm nghèo, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 phải được thực hiện công khai, minh bạch và có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, có sự tham gia của người dân.

Tăng cường đổi mới cơ chế thực hiện các chính sách giảm nghèo, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả trong xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá; đảm bảo sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức chủ trì, quản lý các chương trình, chính sách

giảm nghèo và các cơ quan liên quan khác để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước đối với công tác giảm nghèo.

Thực hiện rà soát, đánh giá hộ nghèo, cận nghèo hằng năm đảm bảo tính kịp thời, chính xác, công bằng trong xác định hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo; thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá, cơ sở dữ liệu đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý công tác giảm nghèo; đảm bảo các cơ quan, tổ chức chủ trì và tham gia thực hiện các chính sách, nội dung của công tác giảm nghèo thực hiện đầy đủ yêu cầu giám sát và đánh giá.

Xây dựng mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ tự quản, hộ gia đình thoát nghèo, sản xuất giỏi, làm kinh tế tiêu biểu. Khuyến khích các doanh nghiệp, HTX, các hộ giàu giúp đỡ các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ neo đơn có hoàn cảnh khó khăn.

6. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng trong thực hiện công tác giảm nghèo

Tích cực phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc triển khai thực hiện tuyên truyền công tác giảm nghèo bền vững đến hội viên, đoàn viên và nhân dân, vận động sự tham gia của cộng đồng xã hội chung tay thực hiện, hỗ trợ người dân thoát nghèo bền vững.

Đặc biệt phát huy vai trò tương thân tương ái trong cộng đồng doanh nghiệp, của các cơ quan, đơn vị, gia đình, dòng họ trong việc huy động nguồn lực tham gia hỗ trợ giảm nghèo, giúp hộ nghèo thoát nghèo bằng cách nhận lao động nghèo vào làm việc tại các doanh nghiệp theo khả năng trình độ của người nghèo; Phong trào phụ nữ hỗ trợ tặng con giống sinh kế; tham gia các lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho hộ nghèo trong sản xuất, chăn nuôi; hỗ trợ ngày công lao động cho những hộ gia đình neo đơn, thiếu lao động.

Phối hợp vận động dòng họ, gia đình, đặc biệt là những người có uy tín trong cộng đồng cùng thực hiện giám sát, hướng dẫn hộ nghèo trong quản lý chi tiêu trong gia đình và hướng dẫn cách thức tổ chức cuộc sống, tổ chức sản xuất, vệ sinh môi trường; làm cho người nghèo nhận thức được trách nhiệm giảm nghèo là việc của bản thân người nghèo, hộ nghèo, phải tự giác, chủ động thực hiện và có trách nhiệm hơn nữa đối với bản thân, gia đình để vươn lên thoát nghèo bền vững.

Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, loại bỏ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, không mắc các tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nạn nghiện ma túy và đánh bạc. Phối hợp với các cấp chính quyền nghiên cứu, tổ chức các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng, khuyến khích động viên các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hộ gia đình làm tốt công tác giảm nghèo, đặc biệt là các hộ nghèo, cận nghèo nỗ lực cố gắng vươn lên thoát nghèo bền vững.

Nêu cao vai trò giám sát và phản biện xã hội trong thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giảm nghèo bền vững tại địa phương.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết

Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác giảm nghèo và thực trạng đời sống của hộ nghèo để kịp thời chỉ đạo, giải quyết những khó khăn, vướng mắc từ cơ sở để điều chỉnh các chính sách, giải pháp giảm nghèo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tạo điều kiện thuận lợi nhất để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát việc thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch giảm nghèo nhất là việc giám sát thực hiện chính sách giảm nghèo ở cơ sở.

Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện công tác giảm nghèo; biểu dương, khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có thành tích trong công tác giảm nghèo.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp; nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, dự án có liên quan; nguồn tín dụng chính sách; nguồn vận động, xã hội hóa và các nguồn tài chính hợp pháp khác. Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

- Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND xã tổ chức thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp chỉ tiêu, kết quả giảm nghèo; chủ trì rà soát hộ nghèo, quản lý cơ sở dữ liệu và tham mưu các chương trình, dự án phát triển sản xuất, sinh kế, hạ tầng, nhà ở, nước sinh hoạt theo chức năng.

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch hằng năm, lồng ghép nguồn lực; tham mưu kiểm tra, sơ kết, tổng kết và báo cáo cấp có thẩm quyền.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Chủ trì tham mưu thực hiện các chính sách về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, người có công, bảo trợ xã hội, giáo dục, y tế, dân tộc, thông tin, văn hóa và các dịch vụ xã hội cơ bản; theo dõi hộ nghèo, hộ cận nghèo có đối tượng yếu thế để hỗ trợ kịp thời.

- Chủ trì công tác thông tin, tuyên truyền, nhân rộng điển hình; phối hợp tổ chức tư vấn việc làm, đào tạo nghề, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và khen thưởng trong công tác giảm nghèo.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã

- Phối hợp đưa các chỉ tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo vào chương trình công tác, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; theo dõi, đôn đốc thực hiện kết luận chỉ đạo của UBND xã; bảo đảm công tác tổng hợp, hành chính và công khai thông tin theo quy định.

4. Công an xã, Ban Chỉ huy Quân sự xã

- Phối hợp triển khai mô hình giảm nghèo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; tuyên truyền phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; hỗ trợ ổn định đời sống, bảo đảm an toàn cho người dân tại địa bàn khó khăn, khu vực có nguy cơ thiên tai.

5. Trạm Y tế, các cơ sở giáo dục và các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND xã

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức thực hiện đầy đủ chính sách thuộc lĩnh vực phụ trách; rà soát, cung cấp dữ liệu, hỗ trợ đối tượng thụ hưởng; phối hợp tuyên truyền, kiểm tra và báo cáo kết quả.

6. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, huy động nguồn lực, triển khai phong trào và mô hình giúp đỡ hộ nghèo; phát huy vai trò nhận ủy thác tín dụng, giám sát, phản biện xã hội và tham gia bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

7. Các Ông (bà) Trưởng thôn

- Tổ chức tuyên truyền, rà soát, bình xét, công khai danh sách; nắm chắc hoàn cảnh, nguyên nhân nghèo và nhu cầu của từng hộ; phối hợp xây dựng phương án hỗ trợ, theo dõi kết quả, kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc với UBND xã.

8. Chế độ thông tin, báo cáo

- Các cơ quan, đơn vị, thôn định kỳ 06 tháng, hằng năm và đột xuất báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã (*qua Phòng Kinh tế*) theo thời hạn yêu cầu để tổng hợp, báo cáo cơ quan cấp trên.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo UBND xã xem xét, chỉ đạo hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 trên địa bàn xã Sơn Dương. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan và các thôn nghiêm túc tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH xã;
- Các phòng, cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Trạm Y tế;
- Các cơ sở giáo dục và các đơn vị sự nghiệp;
- Các thôn;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phùng Việt Hưng

PHỤ LỤC
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 trên địa bàn xã Sơn Dương
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Sơn Dương)

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện
I	TUYÊN TRUYỀN, NÂNG CAO NHẬN THỨC, TRÁCH NHIỆM				
1	Tổ chức quán triệt, tuyên truyền Chỉ thị số 05-CT/TW, Nghị quyết số 160/NQ-CP, Kế hoạch số 136-KH/TU và Kế hoạch của UBND tỉnh, UBND xã.	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa - xã hội; Trung tâm Dịch vụ công; MTTQ và các tổ chức CT-XH; các thôn	Hội nghị, tài liệu, tin bài tuyên truyền	Thường xuyên
2	Tuyên truyền chính sách giảm nghèo; gương thoát nghèo, mô hình sinh kế hiệu quả; phong trào “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”.	Phòng Văn hóa - xã hội, Trung tâm Dịch vụ công xã	Phòng Kinh tế; các đơn vị; các thôn	Chương trình truyền thanh, tin bài, sản phẩm số	Thường xuyên
II	LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ QUẢN LÝ ĐỐI TƯỢNG				
3	Cụ thể hóa chỉ tiêu giảm nghèo trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn 2026 - 2030.	Phòng Kinh tế	Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Văn hóa - xã hội	Kế hoạch, chỉ tiêu, văn bản chỉ đạo	Hằng năm
4	Rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; công khai kết quả, giải quyết kiến nghị theo quy định.	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa - xã hội; thôn; MTTQ	Danh sách, hồ sơ rà soát, quyết định công nhận	Hằng năm
5	Cập nhật, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu giảm nghèo; chia sẻ thông tin về lao động, giáo dục, y tế, bảo hiểm và chính sách xã hội.	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa - xã hội; các cơ quan, đơn vị	Cơ sở dữ liệu, báo cáo số	Hằng năm
III	HỖ TRỢ SINH KẾ, VIỆC LÀM VÀ NÂNG CAO THU NHẬP				
6	Rà soát nhu cầu, phối hợp triển khai tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và đối tượng chính sách.	Phòng Kinh tế	Ngân hàng Chính sách xã hội; các tổ chức nhận ủy thác; các thôn	Danh sách nhu cầu, hồ sơ vay, báo cáo sử dụng vốn	Hằng năm

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện
7	Triển khai mô hình phát triển sản xuất, chuyển giao khoa học kỹ thuật, liên kết chuỗi giá trị, tổ hợp tác, hợp tác xã và tiêu thụ sản phẩm.	Phòng Kinh tế	Các đơn vị chuyên môn; MTTQ, đoàn thể; doanh nghiệp	Mô hình, dự án, phương án hỗ trợ sinh kế	Hằng năm và giai đoạn 2026 - 2030
8	Tư vấn học nghề, việc làm, kết nối doanh nghiệp, phiên giao dịch việc làm; hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.	Phòng Văn hóa - xã hội, Trung tâm Dịch vụ công xã	Phòng Kinh tế; các cơ sở đào tạo; các thôn	Danh sách tư vấn, lao động có việc làm/đi làm việc ở nước ngoài	Hằng năm
9	Hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường hàng hóa, thương mại điện tử, nền tảng số và thông tin giá cả.	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa - xã hội; tổ công nghệ số cộng đồng; doanh nghiệp	Hoạt động kết nối, sản phẩm truyền thông, gian hàng số	Hằng năm
IV	BẢO ĐẢM TIẾP CẬN DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN				
10	Thực hiện chính sách giáo dục, hỗ trợ học sinh nghèo, cận nghèo; vận động học sinh đi học đúng độ tuổi, hạn chế bỏ học.	Phòng Văn hóa - xã hội	Các cơ sở giáo dục; các thôn	Danh sách đối tượng, hồ sơ hỗ trợ, báo cáo kết quả	Hằng năm
11	Cấp, gia hạn thẻ BHYT; chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh, suy dinh dưỡng và truyền thông vệ sinh.	Phòng Văn hóa - xã hội, Trạm Y tế	Phòng Văn hóa - xã hội; BHXH cơ sở Sơn Dương; các thôn	Thẻ BHYT, hoạt động khám/chăm sóc, báo cáo	Thường xuyên
12	Rà soát, triển khai hỗ trợ nhà ở, nước sinh hoạt, công trình vệ sinh và bảo vệ môi trường cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa - xã hội; MTTQ, đoàn thể; các thôn	Danh sách, hồ sơ, công trình hỗ trợ	Hằng năm và giai đoạn 2026 - 2030
13	Thực hiện trợ giúp xã hội, người có công, trợ giúp pháp lý, bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới và hỗ trợ đối tượng yếu thế.	Phòng Văn hóa - xã hội	Các cơ quan tư pháp, y tế, giáo dục; các thôn	Hồ sơ chính sách, hoạt động trợ giúp	Thường xuyên

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện
14	Bảo đảm người nghèo tiếp cận thông tin, dịch vụ viễn thông, kỹ năng số; nâng cao đời sống văn hóa, thực hiện nếp sống văn minh.	Phòng Văn hóa - xã hội	Các đơn vị; tổ công nghệ số cộng đồng; các thôn	Tin bài, chương trình truyền thanh, lớp hướng dẫn	Thường xuyên
V	HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ				
15	Lồng ghép nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách, tín dụng chính sách, quỹ xã hội và nguồn hợp pháp khác.	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa - xã hội; Văn phòng; MTTQ và các đơn vị liên quan	Kế hoạch vốn, dự toán, phương án lồng ghép	Hàng năm
16	Vận động cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân giúp đỡ hộ nghèo; duy trì mô hình đỡ đầu và an sinh xã hội.	Ủy ban MTTQ xã	Các tổ chức CT-XH; Phòng Văn hóa - xã hội; Phòng Kinh tế	Nguồn lực vận động, mô hình hỗ trợ	Thường xuyên
17	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, sử dụng nguồn lực; xử lý sai sót, kiến nghị, phản ánh.	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa - xã hội; MTTQ; các cơ quan, đơn vị	Biên bản kiểm tra, kết luận, báo cáo khắc phục	Hàng năm/đợt xuất
18	Sơ kết 06 tháng, tổng kết hằng năm và giai đoạn; biểu dương, khen thưởng mô hình, tập thể, cá nhân tiêu biểu.	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa - xã hội; Văn phòng; các cơ quan, đơn vị	Báo cáo, hội nghị, hồ sơ khen thưởng	Định kỳ và cuối giai đoạn